TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 34/2018/HNGĐ-ST Ngày: 20 - 11 - 2018. Về việc tranh chấp: Không công nhận vợ chồng.	**NHÂN DANH** **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HÒA TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thu Ba;
2. Ông Nguyễn Giáo Khoa.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hòa tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Nhuận – Kiểm sát viên.

Ngày 20/11/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 226/2018/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp *"Không công nhận vợ chồng",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐXX- ST ngày 15 tháng 10 năm 2018; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị T – sinh năm: 1971; Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên – Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh K – sinh năm: 1970; Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên – Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng N;

Người đại diện theo ủy quyền: ông A – Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng N huyện Đ. Ông A ủy quyền cho ông B – Phó giám đốc Chi nhánh Ngân hàng N huyện Đ (Văn bản ủy quyền ngày 30/8/2018) – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn chị T và bị đơn anh K trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh K chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 1992, nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống có mâu thuẫn, do không hợp tính, thường xuyên cãi vã, đánh đập nhau. Chị T nhận thấy tình cảm đã hết, không thể nào chung sống với anh K được nữa nên yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh K là vợ chồng. Anh K không thống nhất yêu cầu không công nhận vợ chồng của chị T.

- Về con chung: có 02 con tên V – sinh ngày 11/11/1992, M – sinh ngày 08/3/1994. Các con đã trưởng thành nên thống nhất không yêu cầu gì.

- Về tài sản chung: Hai bên thống nhất tự giải quyết, không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về nợ: Anh K, chị T thống nhất nợ của Ngân hàng N số tiền vốn 80.000.000đ *(Tám mươi triệu đồng)* và lãi phát sinh, nhưng Ngân hàng rút đơn khởi kiện, không yêu cầu giải quyết nên không yêu cầu gì.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đại diện Ngân hàng N trình bày:*

Vào ngày 03/01/2018, Anh K, chị T có vay của Ngân hàng N số tiền 80.000.000đ *(Tám mươi triệu đồng)*, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 8,5%/năm, mục đích để mua ngư lưới cụ phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế gia đình. Nay, số tiền này chưa đến hạn trả nợ nên xin rút toàn bộ đơn kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

+Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã xác định đúng mối quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý của các đương sự, chấp hành đúng trình tự, thủ tục thu thập tài liệu, chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký cũng đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ pháp luật quy định.

+ Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T: Không công nhận anh K, chị T là vợ chồng. Về con chung: Các con chung đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu gì nên không xét. Tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xét. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N. Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh K, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đại diện Ngân hàng N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh K chung sống trên cơ sở tự nguyện vào năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn.

Xét thấy: Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định. Việc kết hôn không đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý. Anh K và chị T sống chung với nhau, nhưng không đăng ký kết hôn, đã vi phạm việc đăng ký kết hôn tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình nên anh K và chị T không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 53,

Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị T: Không công nhận chị T và anh K là vợ chồng.

[3] Về con chung: Xét thấy các con chung V, M đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu gì nên không xét.

[3] Tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xét.

[4] Về nợ: Các đương sự thống nhất có nợ của Ngân hàng N số tiền vốn 80.000.000đ *(Tám mươi triệu đồng)* nhưng Ngân hàng có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không yêu cầu gì. Xét việc rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N là tự nguyện nên căn cứ vào Điều 217, 218, 219, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Sau này, Ngân hàng có yêu cầu thì khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu không công nhận vợ chồng: 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng).* Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng N.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 217, 218, 219, 227, 228, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 9, 26, 27 Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị T và anh K là vợ chồng.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện tranh chấp Hợp đồng vay tài sản của Ngân hàng N.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu không công nhận vợ chồng: 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*. Số tiền này được khấu trừ vào 1.300.000đ *(Một triệu ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0009067 ngày 22/8/2018 và Biên lai thu tiền số 0009080 ngày 28/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên. Như vậy, hoàn lại cho chị T: 1.000.000đ *(Một triệu đồng).*

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng N: 2.100.000đ *(Hai triệu một trăm nghìn đồng)* đã thu tại Biên lai thu tiền số 0009095 ngày 05/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND, T.H.A DS huyện Đông Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

Lê Thanh Huệ